

MỤC LỤC

A. ĐIỂM TIN CHÍNH SÁCH	2
I. Tin chính sách	2
II. Sự kiện - Bình luận	2
III. Chính sách Trung Quốc và ASEAN	3
Khu mậu dịch tự do thúc đẩy cộng đồng Đông Á	
B. TOÀN VĂN BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁM SÁT, KIỂM DỊCH CHẤT PHỤ GIA TACN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TACN	5
Ngày 23/2/2009, AQSIQ đã thông qua “Biện pháp quản lý giám sát, kiểm dịch chất phụ gia TACN và xuất nhập khẩu TACN, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/9/2009	
Chương I: Tổng lược	5
Chương II: Quản lý hiểm họa	5
Chương III: Kiểm dịch, kiểm nghiệm việc xuất nhập khẩu	6
Phần một: Việc cấp phép đăng ký	6
Phần hai: Kiểm dịch, kiểm nghiệm	7
Phần ba: Quản lý, kiểm tra, giám sát	9
Chương IV: Kiểm nghiệm, kiểm dịch việc xuất nhập khẩu	10
Phần một: Đăng ký cấp phép	10
Phần hai: Kiểm nghiệm kiểm dịch	13
Phần ba: Việc quản lý giám sát	14
Chương V: Kiểm dịch kiểm nghiệm quá cảnh	17
Chương VI: Trách nhiệm luật pháp	17
Chương VII: Phụ lục	18



I. Tin Chính sách

- Ngày 15/8/2009, tại Băng Cốc (Thái Lan), nhân hội nghị bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 41, các bộ trưởng kinh tế và thương mại Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc đã ký Hiệp định đầu tư ASEAN - Trung Quốc.

- Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến tháng 8/2009, Trung Quốc đã cung cấp cho Việt Nam danh sách hơn 3.000 vùng trồng trái cây các loại đã và sẽ xuất khẩu sang Việt Nam, trong đó các mẫu trái cây đều có liệt kê chi tiết đến từng xã, huyện, tỉnh của Trung Quốc. Đồng thời, cung cấp kèm danh sách hơn 900 cơ sở, doanh nghiệp gồm tên, địa chỉ chuyên thu mua, sơ chế hoặc bao gói các loại trái cây xuất sang Việt Nam, lập một website để công bố và cập nhật danh sách các vùng trồng mới, các doanh nghiệp, cơ sở thu gom, bao gói vừa tham gia vào thị trường xuất khẩu trái cây sang Việt Nam.

Theo ông Phùng Hữu Hào - Phó cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) việc Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam danh sách chi tiết, cụ thể như vậy sẽ tạo thuận lợi rất nhiều cho việc cơ quan chức năng của ta theo dõi, kiểm soát nguồn gốc cũng như chất lượng vệ sinh an toàn đối với các loại trái cây Trung Quốc nhập khẩu.

- Ngày 12/4/2009 tại Hà Nội, ngân hàng xuất nhập khẩu Trung Quốc và ngân hàng phát triển Việt Nam đã ký hiệp định hợp tác, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực như: thương mại xuất nhập khẩu các thiết bị máy móc, điện lực, sản phẩm công nghệ cao v.v... do công ty liên doanh Trung Việt xây dựng cơ sở hạ tầng, tìm kiếm tài nguyên tại hai nước Trung, Việt hoặc nước thứ ba, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai hợp tác của doanh nghiệp tại hai nước hoặc nước thứ ba.

- Ngày 17/8/2009, Ngân hàng Việt Nam ký 4 hiệp định hợp tác kinh tế với Trung Quốc. Những hiệp định này bao gồm sự hợp tác về tư vấn thiết kế kỹ thuật liên quan đến dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ theo phương thức BOT và dự toán kinh phí; BIDV liên kết với Đại học Y Quảng Tây xây dựng bệnh viện BIDV-MASEP v.v...

II. Sự kiện – Bình luận

- Trong khuôn khổ Hiệp định đầu tư ASEAN - Trung Quốc, hai bên thống nhất ủng hộ đầu tư trực tiếp nước ngoài của nhau; áp dụng các biện pháp khuyến khích, bảo hộ đầu tư nước ngoài bao gồm: đối xử công bằng với các nhà đầu tư, đền bù cho nhà đầu tư trong trường hợp quốc hữu hoá tài sản; giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư với Chính phủ. Những quy định này sẽ giúp tăng đầu tư thực tế và tái đầu tư lợi nhuận giữa ASEAN và Trung Quốc một cách bền vững; phù hợp với mục tiêu xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN.

Theo bộ trưởng Thương mại Indonesia, Mari Elka Pangestu, được báo Jakarta Post trích dẫn, thì mục đích chính của Hiệp định không phải là tự do hóa đầu tư, mà nhằm tạo ra một

khuôn khổ pháp lý vững chắc, thúc đẩy đầu tư song phương. Theo bà, Hiệp định này còn cho phép các nước ASEAN thu hút mạnh hơn đầu tư của Trung Quốc.

Đề cập đến tầm quan trọng của Hiệp định thương mại ASEAN - Trung Quốc, bà Porntiva Nakasai, Bộ trưởng Thương mại Thái Lan cho biết: "Việc ký kết Hiệp định đầu tư này sẽ giúp mở rộng khu vực ASEAN, mang lại nguồn đầu tư mới, liên tục, ổn định trong khu vực ASEAN đồng thời giúp cho các khu vực khác thấy được sức mạnh của ASEAN".

- Tổng cục thống kê Hải quan cho biết, 6 tháng đầu năm 2009 ngành dệt may xuất khẩu qua cảng Bằng Tường (Trung Quốc) đạt 270 triệu USD, tăng 27.5% so với cùng kỳ năm 2008, chiếm 77.1% tổng lượng xuất khẩu dệt may của tỉnh Quảng Tây. Nguyên nhân do ngành dệt may xuất khẩu Quảng Tây đáp ứng được nhu cầu của người dân Việt Nam và ASEAN. Ngành dệt may Quảng Tây ít chịu ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu do đã đưa ra được những giải pháp đối phó kịp thời, chiếm ưu thế trong việc cạnh tranh với các mặt hàng khác trên thế giới. Một nguyên nhân nữa cũng rất quan trọng là Hải quan tạo điều kiện cho việc thông quan dễ dàng.

IV. Chính sách Trung Quốc – ASEAN

Khu mậu dịch tự do thúc đẩy cộng đồng Đông Á

25/10/2009 tại Hội nghị Đông Á lần thứ 4, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã đề xuất: các nước trong khu vực phải bắt tay đối phó với những thách thức hiện nay như: khủng hoảng tài chính, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên, nạn nghèo đói và dịch bệnh v.v... thúc đẩy kinh tế khu vực và xã hội phát triển bền vững; nhằm đạt được sự đồng thuận, hợp tác sâu sắc, thành lập Cộng đồng Đông Á phát triển mạnh mẽ.

Thủ tướng Ôn Gia Bảo đề xuất xây dựng mô hình hợp tác Đông Á theo hướng nhất thể hóa kinh tế. Xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc với số dân 1,9 tỷ người, tổng sản phẩm quốc nội đạt gần 6.000 tỷ USD, kim ngạch thương mại đạt 4.500 tỷ USD và trở thành khu mậu dịch lớn nhất thế giới. Năm 2008, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc - ASEAN đạt 231,12 tỷ USD, tăng 13,9% so với 2008.

Mặc dù khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN sắp được hình thành, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề: về ngắn hạn có vấn đề thâm hụt thương mại của các nước ASEAN so với Trung Quốc. Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN là thị trường mở, thặng dư thương mại của Trung Quốc sẽ tăng, ASEAN lo ngại sản phẩm của Trung Quốc sau khi thâm nhập thị trường này sẽ đánh bật các doanh nghiệp trong nước vừa và nhỏ, tình trạng thất nghiệp tăng.

Phó Bí thư thường vụ Phòng thương mại Trung Quốc - ASEAN Hứa Ninh Ninh cho biết, trên nền tảng nhất thể hoá kinh tế, các sản phẩm của hai bên sẽ phát triển toàn diện. Mấy năm gần đây, mặc dù các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào ASEAN tăng mạnh, nhưng lượng tiền đầu tư của Trung Quốc tại ASEAN vẫn thấp hơn số tiền ASEAN đầu tư tại

Trung Quốc rất nhiều, hơn nữa, các nước Đông Nam Á đều mong muốn nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào khu vực này.

Các chuyên gia nhận định, hợp tác kinh tế Trung Quốc - ASEAN sẽ không thể tách rời đồng nhân dân tệ (CNY). Trong quá trình thúc đẩy nhất thể hóa kinh tế và thuận lợi hóa thương mại, sẽ dùng đồng CNY làm phương tiện thanh toán, đưa CNY trở thành đồng tiền thanh toán trong khu vực này. Tổng Giám đốc điều hành ngân hàng đầu tư Mỹ Marcus Lee phát biểu: Trong khuôn khổ hiệp định mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, cần phải đẩy mạnh việc xây dựng thị trường tiền tệ xuyên quốc gia và bồi dưỡng thị trường tư bản.

Ngoài ra, sau khi khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN hình thành, 90% các sản phẩm của hai bên sẽ thực hiện “Phi thuế quan” thương mại, dịch vụ, đầu tư của hai bên sẽ càng thuận lợi. Giới chuyên gia nhận định, doanh nghiệp Trung Quốc phát triển thị trường ASEAN sẽ đối mặt với một loạt thách thức khó khăn.

Hiện nay, có không ít doanh nghiệp bắt đầu tận dụng nguyên tắc mậu dịch tự do để hưởng ưu đãi thuế quan, nhưng vẫn còn một số doanh nghiệp lại chưa nhận thức đầy đủ về khu mậu dịch tự do, đặc biệt không nắm rõ giấy chứng nhận xuất xứ nguyên liệu địa phương. Chủ nhiệm bộ môn nghiên cứu quốc tế của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc ông Trương Ân Linh phát biểu: cần khuyến khích cơ chế trung gian tham gia dịch vụ Khu mậu dịch tự do, giúp đỡ doanh nghiệp trong vấn đề chứng nhận xuất xứ nguồn gốc cho các doanh nghiệp, từ đó nâng cao khả năng phục vụ của khu mậu dịch tự do.

B. TOÀN VĂN BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁM SÁT, KIỂM DỊCH CHẤT PHỤ GIA THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ VIỆC XUẤT NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Chương I: Tổng lược

Điều 1: Để quy chuẩn hoá công tác quản lý giám sát kiểm dịch kiểm nghiệm chất phụ gia và việc xuất nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, nâng cao trình độ xuất nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và an toàn chất phụ gia thức ăn chăn nuôi, bảo vệ sức khỏe động vật và con người, căn cứ “Luật kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh của nước CHND Trung Hoa” cùng với quy định luật pháp liên quan như: “Luật kiểm dịch mặt hàng xuất nhập khẩu của nước CHND Trung Hoa”, “Quy định đặc biệt liên quan đến quản lý giám sát an toàn chất lượng sản phẩm như lương thực của Quốc Vụ Viện” để đề ra biện pháp này.

Điều 2: Biện pháp này giống như việc quản lý giám sát và kiểm dịch kiểm nghiệm việc xuất nhập khẩu TACN và phụ gia TACN (sau đây gọi tắt là TACN).

Động thực vật sử dụng TACN cũng như sản phẩm khác dựa vào việc quản lý theo quy định của biện pháp này.

Điều 3: Tổng cục kiểm dịch kiểm nghiệm an toàn chất lượng Quốc gia (gọi tắt là AQSIQ) thống nhất quản lý công tác quản lý kiểm tra, kiểm nghiệm, kiểm dịch việc xuất nhập khẩu TACN của Trung Quốc.

AQSIQ theo cơ cấu kiểm nghiệm, kiểm dịch việc xuất nhập khẩu của các địa phương (sau đây gọi tắt là cơ cấu kiểm nghiệm, kiểm dịch) chịu trách nhiệm chính về công tác quản lý giám sát và kiểm dịch, kiểm nghiệm việc xuất nhập khẩu TACN cả nước.

Chương II: Quản lý hiểm họa

Điều 4: AQSIQ quản lý mỗi nguy cơ đối với việc thực hiện xuất nhập khẩu TACN, về mặt phân tích mỗi nguy cơ bao gồm các biện pháp như: phân cấp các mối nguy hiểm của sản phẩm, phân loại doanh nghiệp, thẩm tra hệ thống quản lý, không chế nguy hiểm, cảnh báo mối nguy v.v... đối với việc thực hiện xuất nhập khẩu TACN.

Điều 5: Cơ cấu kiểm nghiệm kiểm dịch dựa vào cấp độ nguy hại của sản phẩm xuất nhập khẩu TACN, lựa chọn hình thức quản lý giám sát kiểm dịch, kiểm nghiệm khác nhau, đồng thời tiến hành động thái điều chỉnh.

Điều 6: Cơ cấu kiểm dịch, kiểm nghiệm dựa vào cấp độ nguy hại của sản phẩm TACN xuất nhập khẩu, lòng tin dành cho các doanh nghiệp, khả năng không chế an toàn vệ sinh, hệ thống quản lý, giám sát có hiệu quả v.v..., thực hiện quản lý phân loại doanh nghiệp đối với đăng ký sản phẩm, gia công, gửi doanh nghiệp ra bên ngoài (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp sản xuất hướng ra bên ngoài) và các doanh nghiệp trong nước xuất khẩu sản phẩm, gia công thức ăn chăn nuôi (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp sản xuất

xuất khẩu), lựa chọn hình thức quản lý giám sát kiểm dịch, kiểm nghiệm khác nhau và tiến hành động thái điều chỉnh.

Điều 7: AQSIQ dựa vào yêu cầu kiểm dịch, kiểm nghiệm phân biệt chủng loại sản phẩm TACN nhập khẩu. Tiến hành phân tích những nguy hại đối với quốc gia hoặc khu vực lần đầu tiên xuất khẩu TACN sang Trung Quốc, tiến hành thẩm tra ngược trở lại đối với các quốc gia hoặc khu vực đã từng xuất khẩu TACN sang Trung Quốc, thẩm tra trọng điểm hệ thống quản lý giám sát an toàn TACN khác. Căn cứ vào kết quả thẩm tra hoặc phân tích mỗi nguy cơ, đề ra điều chỉnh và công bố chủng loại sản phẩm TACN, danh sách khu vực hoặc nước cho phép nhập khẩu TACN.

Điều 8: Tổng cục kiểm định, kiểm dịch chất lượng quốc gia tiến hành không chế giám sát mỗi nguy hiểm của TACN xuất nhập khẩu, hàng năm đưa ra kế hoạch không chế giám sát mỗi nguy của các nguyên liệu TACN xuất nhập khẩu, hàng năm làm báo cáo không chế giám sát mỗi nguy đó. Cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc kết hợp tình hình thực tế địa phương đưa ra phương án thực hiện cụ thể và cách thức tổ chức.

Điều 9: Cục kiểm nghiệm chất lượng quốc gia căn cứ vào tình hình an toàn thức ăn chăn nuôi xuất nhập khẩu, các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm dịch, vấn đề cơ quan tổ chức trong ngoài nước liên quan thông báo cũng như vấn đề an toàn thức ăn chăn nuôi, trên cơ sở phân tích mỗi nguy hiểm kịp thời ban bố thông tin cảnh báo nguy hiểm.

Chương III: Kiểm dịch, kiểm nghiệm việc xuất nhập khẩu

Phần một: Việc cấp phép đăng ký

Điều 10: AQSIQ thực hiện chế độ cấp phép đăng ký đối với xí nghiệp sản xuất của nước hoặc khu vực được phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, TACN được nhập khẩu phải xuất xứ từ doanh nghiệp sản xuất nước ngoài có đăng ký rõ ràng.

Điều 11: Xí nghiệp sản xuất nước ngoài phải phù hợp với nhu cầu liên quan tới tiêu chuẩn, pháp luật của nước hoặc khu vực xuất khẩu, và đạt được yêu cầu phù hợp với tiêu chuẩn và luật pháp Trung Quốc, ban ngành chủ quản khu vực hoặc quốc gia đã xuất khẩu sau khi kiểm tra đạt tiêu chuẩn phải báo cáo lên Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng quốc gia. Tài liệu báo cáo bao gồm:

- (1) Thông tin về doanh nghiệp: Tên gọi, địa chỉ, mã đăng ký kinh doanh,
- (2) Thông tin về sản phẩm đăng ký cấp phép: tên gọi, thành phần nguyên liệu chủ yếu, công dụng ...
- (3) Chứng nhận của cấp có thẩm quyền: bằng chứng về việc cấp có thẩm quyền phê chuẩn, sản phẩm của nó được phép xuất khẩu ra nước khác hoặc buôn bán tự do tại khu vực.

Điều 12: AQSIQ phải tiến hành thẩm tra đối với tài liệu báo cáo này.

Trong trường hợp thẩm tra không đạt tiêu chuẩn, thông báo ban ngành chủ quản khu vực và quốc gia xuất khẩu đình chính bổ sung.

Trong trường hợp thẩm tra đạt tiêu chuẩn, sau khi đạt được thoả thuận với ban ngành chủ quản khu vực và quốc gia xuất khẩu, AQSIQ cử chuyên gia đến khu vực hoặc quốc gia xuất khẩu tiến hành thẩm tra đối với hệ thống quản lý giám sát an toàn TACN, và tiến hành kiểm tra xác suất doanh nghiệp yêu cầu đăng ký xuất khẩu TACN. Đối với các doanh nghiệp kiểm tra không đạt yêu cầu, không được phép đăng ký, và sẽ thông báo nguyên nhân lên ban ngành khu vực hoặc quốc gia xuất khẩu; đối với các doanh nghiệp kiểm tra đạt yêu cầu và các doanh nghiệp khác không bị kiểm tra xác suất thì được phép đăng ký, và công bố công khai trên mạng của AQSIQ.

Điều 13: Thời hạn đăng ký có hiệu lực là 5 năm.

Các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài muốn kéo dài thời hạn, do ban ngành chủ quản quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu đề xuất yêu cầu kéo dài thời hạn lên AQSIQ trước khi hết thời hạn 6 tháng. Khi cần thiết, AQSIQ có thể cử chuyên gia đến hệ thống quản lý giám sát an toàn TACN khu vực hoặc quốc gia xuất khẩu tiến hành thẩm tra lại, và tiến hành kiểm tra xác suất doanh nghiệp sản xuất nước ngoài yêu cầu gia hạn, đối với các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài yêu cầu gia hạn trong trường hợp kiểm tra xác suất đạt tiêu chuẩn hoặc không phải kiểm tra sẽ được đăng ký cho gia hạn thêm 5 năm.

Điều 14: Doanh nghiệp sản xuất nước ngoài đã đăng ký nhưng bị đóng cửa, chuyển sang sản phẩm khác, bị phá sản hoặc các ban ngành chủ quản khu vực, quốc gia xuất khẩu thu hồi và huỷ giấy phép sản xuất, giấy phép kinh doanh, AQSIQ cần lưu ý huỷ bỏ cấp phép đăng ký.

Phần hai: Kiểm dịch, kiểm nghiệm

Điều 15: Thức ăn chăn nuôi nhập khẩu phải làm giấy cho phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh, phải căn cứ vào quy định liên quan làm giấy cho phép kiểm dịch động thực vật nhập cảnh.

Điều 16: Chủ hàng hoặc đại lý trong thời gian nhập hoặc trước khi nhập TACN phải báo cáo kết quả kiểm dịch lên cơ quan kiểm dịch, kiểm nghiệm, báo cáo kết quả nên cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ, hợp đồng thương mại, giấy chứng nhận tín dụng, vận đơn, hóa đơn v.v.. Căn cứ vào yêu cầu không giống nhau của sản phẩm để cung cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động thực vật nhập cảnh, giấy chứng nhận kiểm dịch, kiểm nghiệm quốc gia hoặc khu vực nhập khẩu, “giấy đăng ký nhập khẩu TACN và chất phụ gia TACN” (bản sao).

Điều 17: Cơ quan kiểm dịch, kiểm nghiệm căn cứ vào yêu cầu sau đây để tiến hành thực hiện kiểm dịch, kiểm nghiệm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu:

- (1) Yêu cầu kiểm dịch kiểm nghiệm của luật pháp Trung Quốc, tiêu chuẩn về tính cường chế quốc gia, và quy định của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng quốc gia;
- (2) Hiệp định song phương, nghị định thư, bi vong lục;
- (3) Yêu cầu chứng minh “giấy chứng nhận đã kiểm dịch động thực vật nhập cảnh”

Điều 18: Cơ quan kiểm dịch, kiểm nghiệm căn cứ vào quy định dưới đây kiểm tra hiện trường thực hiện nhập khẩu TACN:

- (1) Kiểm tra đối chiếu vận đơn: Kiểm tra đối chiếu tên gọi, số lượng, bao bì, ngày sản xuất, số hiệu container, khu vực hoặc nước xuất khẩu, tên doanh nghiệp sản xuất và số đăng ký v.v... có phù hợp với thông tin hay không;
- (2) Kiểm tra nhãn hiệu: nhãn hiệu có phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về nhãn hiệu TACN hay không;
- (3) Dùng giác quan để kiểm tra: bao bì, đồ đựng có còn nguyên vẹn không, đã vượt quá thời hạn bảo trì, có hoặc không biến chất ôi thiu, có hoặc không mang theo sinh vật có hại, cấm nhập cảnh đồ có kèm theo bùn đất, xác động vật, chất thải động vật v.v...

Điều 19: Trong trường hợp kiểm tra hiện trường có một trong các vấn đề sau, cơ quan kiểm dịch, kiểm nghiệm ký ban hành “Giấy thông báo xử lý kiểm dịch, kiểm nghiệm” do chủ hàng hoặc đại lý xử lý bằng cách trả lại hoặc hủy bỏ dưới sự kiểm tra giám sát của cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm:

- (1) Quốc gia hoặc khu vực xuất khẩu không nằm trong danh mục quốc gia hoặc khu vực được phép nhập khẩu;
- (2) Sản phẩm đến từ các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài không đăng ký;
- (3) Sản phẩm không được đăng ký đến từ các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài đã đăng ký;
- (4) Vận đơn không đạt yêu cầu;
- (5) Nhãn mác không phù hợp với tiêu chuẩn;
- (6) Quá thời hạn bảo trì hoặc bị biến chất;
- (7) Trường hợp phát hiện sinh vật dính bùn đất, xác động vật, chất thải của động vật, sinh vật gây hại, không tiến hành xử lý kiểm dịch hiệu quả.

Điều 20: Trong trường hợp kiểm nghiệm hiện trường phát hiện bao bì sai, đồ đựng bị thủng, chủ hàng hoặc đại lý chịu trách nhiệm khắc phục tốt. Trong trường hợp bao bì bị rách dẫn đến lây lan mầm bệnh lên động vật, phải tiến hành xử lý kiểm dịch vùng đất, sản vật, dụng cụ bị ô nhiễm.

Điều 21: Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm lấy sản phẩm không giống nhau của doanh nghiệp sản xuất nước ngoài gửi đến phòng thực nghiệm tiến hành kiểm tra mục an toàn vệ sinh

Điều 22: Trong trường hợp kiểm dịch kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn, cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm ký và ban hành “Giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm động thực vật nhập cảnh”.

Trong trường hợp kiểm dịch kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn, cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm ký và ban hành “Giấy thông báo xử lý kiểm dịch, kiểm nghiệm”, chủ hàng hoặc đại lý tiêu huỷ, trả lại hoặc xử lý xóa bỏ, dưới sự kiểm tra giám sát của cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm; Trong trường hợp bắt buộc có đền bù thiệt hại, cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch đưa ra giấy chứng nhận liên quan. Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm nên báo cáo thông tin không đạt tiêu chuẩn sau khi kiểm dịch kiểm nghiệm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu lên Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng quốc gia.

Điều 23: Chủ hàng hoặc đại lý khác chưa lấy được “Giấy chứng nhận kiểm dịch, kiểm nghiệm thực vật nhập cảnh” do cơ quan kiểm dịch đưa ra, không thể tự động chuyển dịch, bán, sử dụng TACN nhập khẩu.

Điều 24: Trường hợp dỡ hàng TACN nhập khẩu ra khỏi cảng, trước tiên cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm cảng dỡ hàng nên đưa ra thông tư xử lý tình hình kịp thời và kết quả kiểm dịch kiểm nghiệm theo hình thức văn bản; trong trường hợp xuất giấy chứng nhận ra nước ngoài, cơ quan kiểm dịch, kiểm nghiệm cảng dỡ hàng sau khi tổng hợp sẽ xuất giấy chứng nhận

Phần ba: Quản lý kiểm tra giám sát

Điều 25: Trên bao bì TACN nhập khẩu nên có nhãn mác Tiếng Trung, nhãn mác nên phù hợp với tiêu chuẩn nhãn mác TACN của Trung Quốc.

Doanh nghiệp nhập khẩu phải thực hiện việc dán nhãn mác bao bì TACN trước khi nhập cảnh theo chỉ định của cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm, trực tiếp điều động doanh nghiệp chế biến, sản xuất TACN theo chỉ đạo của cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm.

Quốc gia hạn chế phạm vi dùng TACN có nguồn gốc dùng động vật nhập khẩu, trên bao bì TACN gia nhập thị trường có nguồn gốc động vật phải chú thích dùng làm thức ăn cho loài vật nào.

Điều 26: Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm thực hiện quản lý hồ sơ về doanh nghiệp nhập khẩu TACN (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nhập khẩu). Doanh nghiệp nhập khẩu phải kiểm tra báo cáo trước khi nhập khẩu lần đầu tiên hoặc trong lúc kiểm tra báo cáo, cung cấp bản sao giấy phép kinh doanh đính kèm hồ sơ kiểm nghiệm kiểm dịch.

Điều 27: Doanh nghiệp nhập khẩu nên lập hồ sơ kinh doanh, ghi chép các thông tin về nhập khẩu TACN như: số hiệu kiểm tra báo cáo, tên sản phẩm, số lượng/trọng lượng, bao bì, nước hoặc khu vực xuất khẩu, nhà xuất khẩu nước ngoài, tên doanh nghiệp sản xuất nước ngoài và số đăng ký, “giấy chứng nhận kiểm dịch kiểm nghiệm hàng nhập cảnh” v.v., thời hạn lưu trữ hồ sơ trên 2 năm.

Điều 28: Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tiến hành thẩm tra định kỳ hồ sơ kinh doanh của doanh nghiệp nhập khẩu, thẩm tra không đạt chuẩn, sẽ đưa vào danh sách đen, kiểm dịch kiểm nghiệm nghiêm ngặt đối với các mặt hàng nhập khẩu TACN khác.

Điều 29: Câu chuyện về an toàn TACN xảy ra ở nước ngoài sẽ liên quan đến TACN đã nhập khẩu, thông báo ban ngành liên quan trong nước hoặc hộ dân phản ánh về vấn đề an toàn vệ sinh TACN nhập khẩu, cơ qua kiểm nghiệm kiểm dịch nên triển khai điều tra và tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

Tình hình thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được miêu tả ở những điều khoản trên, nếu gây hại cho động vật, sức khỏe và sinh mạng con người, doanh nghiệp nhập khẩu TACN nên chủ động trả hàng, và báo cáo lên cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu không thực hiện trả hàng, cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch có thể chịu trách nhiệm lệnh cho doanh nghiệp nhập khẩu phải trả hàng và đưa vào “danh sách đen”

Chương IV: Kiểm nghiệm kiểm dịch việc xuất khẩu

Phần một: Đăng ký cấp phép

Điều 30: Tổng cục kiểm định chất lượng quốc gia tiến hành chế độ đăng ký cấp phép cho doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu TACN, TACN xuất khẩu nên xuất xứ từ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu có đăng ký.

Điều 31: Doanh nghiệp yêu cầu đăng ký phải có các tiêu chuẩn hợp pháp sau đây:

31.1. Nhà xưởng, công nghệ, thiết bị và lắp đặt

- a. Địa điểm nhà máy nên tránh nguồn ô nhiễm công nghiệp, đảm bảo có cự li thích hợp với trại chăn nuôi, lò mổ, địa điểm dân cư;
- b. Phân bố hợp lý giữa nhà máy và phân xưởng, tách riêng khu vực sản xuất, khu vực sinh hoạt và khu làm việc;
- c. Thiết kế công nghệ hợp lý, phù hợp với yêu cầu an toàn vệ sinh;
- d. Nhà xưởng, thiết bị và kho hàng tương ứng với năng lực sản xuất;
- e. Biện pháp phòng chống sinh vật có hại (loài gặm nhấm, ruồi, sâu bọ có hại, chim chóc v.v...).

31.2. Có phòng quản lý chất lượng và nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp.

31.3. Có năng lực kiểm tra xử lý vệ sinh an toàn.

31.4. Chế độ quản lý.

- a. Chế độ trách nhiệm công việc;
- b. Chế độ đào tạo nhân viên;
- c. Chế độ kiểm tra sức khỏe nhân viên;

d. Căn cứ vào nguyên lý “Điểm không chế và phân tích mối nguy hại” (HACCP) để thiết lập hệ thống quản lý chất lượng, trên cơ sở phân tích mối nguy hiểm đó thì triển khai việc “tự mình kiểm tra, tự mình không chế”;

e. Điều kiện vận hành tiêu chuẩn vệ sinh (SSOP);

f. Chế độ nghiệm thu và đánh giá nguyên liệu bổ sung, bao bì, hàng cung ứng;

g. Chế độ quản lý nhãn mác TACN;

h. Chế độ xử lý nước thải, rác thải;

k. Chế độ giải quyết vấn đề phản ánh của các hộ dân;

l. Chế độ quản lý ổn định ứng phó với những nhu cầu bức xúc khi nảy sinh vấn đề về an toàn chất lượng.

31.5. AQSIQ dựa vào nhu cầu kiểm dịch kiểm nghiệm xuất khẩu để chỉ định phân biệt chủng loại mặt hàng TACN.

Điều 32: Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu phải đề nghị cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc địa phương cấp phép xuất khẩu, đồng thời phải cung cấp các tài liệu sau (mỗi thứ 3 bản):

(1) “Bản đề nghị cấp phép kiểm dịch, kiểm nghiệm doanh nghiệp sản xuất, chế biến TACN xuất khẩu”;

(2) Giấy phép kinh doanh (bản sao);

(3) Chứng nhận mã số của cơ quan tổ chức (bản sao);

(4) Ban ngành chủ quản thức ăn chăn nuôi quốc gia có các yêu cầu về thẩm tra, cho phép sản xuất, mã số xác nhận sản phẩm v.v..., bắt buộc phải trình văn bản liên quan chứng minh về những xác nhận đạt được;

(5) Liên quan đến bảo vệ môi trường, phải trình văn bản chứng minh rằng không ảnh hưởng đến môi trường do cấp huyện xác nhận;

(6) Chế độ quản lý theo quy định tại điều 31 mục (4);

(7) Đồ thị quy trình sản xuất công nghệ, và tham số công nghệ phải rõ ràng (ngoại trừ những thứ liên quan đến bí mật kinh doanh);

(8) Bản vẽ diện tích nhà xưởng và những bản vẽ màu sắc (bao gồm các mặt của nhà xưởng, công chính, thiết bị chủ yếu, phòng thí nghiệm, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, phòng để hàng mẫu, phòng lưu trữ hồ sơ v.v...)

(9) Sản phẩm cũng như bảng nguyên liệu đề nghị đăng ký xuất khẩu.

Điều 33: Cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc nên tiến hành thẩm tra kịp thời hồ sơ xin cấp phép, căn cứ vào tình hình dưới đây trong vòng 05 ngày để quyết định thụ lý hay không, và thông báo bằng văn bản cho người gửi hồ sơ xin cấp phép:

33.1. Nếu hồ sơ có sai sót, cho phép người xin cấp phép sửa chữa tại chỗ;

33.2. Nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không phù hợp với quy định, thông báo tại chỗ hoặc bằng văn bản một lần trong vòng 5 ngày người xin cấp phép phải bổ sung toàn bộ nội dung, quá thời hạn trên không thông báo, tự hiểu rằng đã nhận hồ sơ xin cấp phép kể từ ngày đó để thụ lý;

33.3. Trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, phù hợp với quy định hoặc người xin cấp phép dựa vào yêu cầu cung cấp bổ sung các tài liệu liên quan đến xin cấp phép thì sẽ được thụ lý hồ sơ.

Điều 34. Cục kiểm nghiệm kiểm dịch trực thuộc sau 10 ngày thụ lý đơn xin đăng ký thành lập nhóm thăm tra đánh giá, tiến hành thăm tra đánh giá doanh nghiệp đề đơn đăng ký sản xuất xuất khẩu.

Điều 35: Nhóm thăm tra đánh giá sau khi kết thúc thăm tra đánh giá nên kịp thời báo cáo kết quả lên cục kiểm dịch kiểm nghiệm trực thuộc.

Điều 36: Cục kiểm nghiệm kiểm dịch trực thuộc sau khi nhận được báo cáo thăm tra đánh giá, trong vòng 10 ngày lần lượt đưa ra các quyết định sau đây:

36.1. Trường hợp thăm tra đánh giá đạt yêu cầu, đồng ý cho đăng ký, ban hành “Chúng nhận đăng ký kiểm dịch, kiểm nghiệm doanh nghiệp chế biến, sản xuất TACN xuất khẩu” (sau đây gọi tắt là “Chúng nhận đăng ký”), ban hành quyết định đăng ký trong vòng 10 ngày, chuyển cho người đến xin đăng ký xuất khẩu mặt hàng TACN.

36.2. Trường hợp thăm tra đánh giá không đạt yêu cầu, “thông báo chưa phê chuẩn kiểm dịch kiểm nghiệm doanh nghiệp chế biến, sản xuất TACN xuất khẩu”.

Điều 37: “Giấy chứng nhận đăng ký” có thời hạn hiệu lực 5 năm kể từ ngày ban hành.

Đối với doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu con, địa điểm công ty khác nhau, có hệ thống quản lý chất lượng và dây chuyền sản xuất độc lập thì phải đăng ký cấp phép khác nhau, không được dùng chung.

Mỗi doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu đăng ký sử dụng một mã số cấp phép đăng ký khác nhau.

Điều 38: Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu thay đổi tên gọi, người đại diện luật pháp, chủng loại sản phẩm, năng lực sản xuất v.v. 30 ngày sau khi thay đổi nên gửi đơn lên cục kiểm nghiệm kiểm dịch tại địa phương, điền vào “Bảng đề nghị đăng ký xác nhận kiểm dịch kiểm nghiệm doanh nghiệp chế biến, sản xuất TACN xuất khẩu”, và giao nộp tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi (ba bản sao).

Thay đổi tên doanh nghiệp, người đại diện pháp nhân, cục kiểm dịch kiểm nghiệm cơ sở sau khi kiểm tra xác nhận các tài liệu liên quan sẽ trực tiếp làm các thủ tục thay đổi.

Thay đổi chủng loại sản phẩm hoặc năng lực sản xuất, cục kiểm dịch kiểm nghiệm cơ sở kiểm tra tài liệu liên quan và kiểm tra đánh giá hiện trạng tổ chức, sau khi đạt yêu cầu, làm thủ tục thay đổi.

Trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ, đề nghị làm thủ tục đăng ký lần nữa tại cục kiểm dịch kiểm nghiệm cơ sở.

Do các nguyên nhân như: đóng cửa, chuyển đổi sản phẩm, phá sản v.v. mà không thể xuất khẩu thức ăn chăn nuôi, phải làm thủ tục ra khỏi doanh nghiệp xuất khẩu TACN gửi tới cục kiểm nghiệm kiểm dịch cơ sở.

Điều 39: Nhận được đăng ký của doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu muốn kéo dài thời hạn đăng ký, trước khi hết hạn 3 tháng phải đệ đơn lên cục kiểm dịch kiểm nghiệm cơ sở.

Điều 40: Cục kiểm nghiệm kiểm dịch cơ sở nên hoàn thành đăng ký, thay đổi hoặc rút khỏi công việc trong vòng 30 ngày, báo cáo các thông tin liên quan lên Tổng cục kiểm định chất lượng quốc gia.

Điều 41: Khu vực hoặc nước nhập khẩu yêu cầu cung cấp danh sách đăng ký doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, sau khi Cục kiểm nghiệm kiểm dịch kiểm tra đạt yêu cầu, báo cáo lên Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng. Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng sau khi tiến hành tổ chức điều tra đánh giá, thống nhất tiến cử tới ban ngành chủ quản khu vực và nước nhập khẩu và làm các thủ tục liên quan.

Phần hai: Kiểm nghiệm kiểm dịch

Điều 42: Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm dựa vào các yêu cầu sau thực hiện kiểm dịch kiểm nghiệm đối với TACN nhập khẩu:

42.1. Yêu cầu kiểm nghiệm kiểm dịch nước hoặc khu vực xuất khẩu;

42.2. Hiệp định song phương, nghị định thư, bị vong lục;

42.3. Yêu cầu kiểm dịch kiểm nghiệm theo quy định pháp luật Trung Quốc, tiêu chuẩn tính cường chế và quy định của Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng quốc gia;

42.4. Yêu cầu kiểm dịch kiểm nghiệm theo hợp đồng thương mại.

Điều 43: Trước khi xuất khẩu TACN, chủ hàng hoặc đại lý phải báo cáo cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm địa phương, và cung cấp các giấy tờ liên quan như hợp đồng, thư tín dụng, “giấy chứng nhận đăng ký” (bản sao), chứng nhận đủ tư cách xuất cảng v.v. Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm tiến hành thẩm tra xác nhận những giấy tờ được cung cấp.

Điều 44: Sau khi thụ lý báo cáo kiểm tra, cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm dựa vào các quy định sau để thực hiện kiểm dịch kiểm nghiệm hiện trường:

44.1. Đối chiếu vận đơn: đối chiếu tài liệu có phù hợp với tên gọi, số lượng (trọng lượng), ngày sản xuất, lô sản xuất, bao bì, niêm phong, tên doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu hoặc số đăng ký v.v.

44.2. Kiểm tra nhãn mác: nhãn mác có phù hợp với yêu cầu không;

44.3. Kiểm tra bằng giác quan: bao bì, hộp đựng còn lành lặn không, có bị biến chất thối rữa không, có mang theo sinh vật gây hại không, có dính bùn đất, xác động vật, phân động vật không v.v...

Điều 45: Cơ quan kiểm nghiệm kiểm dịch căn cứ vào mô hình kiểm tra giám sát việc kiểm dịch mô hình đơn giản đối với các sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu các loại không giống nhau, đưa ra “bằng chứng chọn sản phẩm mẫu” gửi đến phòng thí nghiệm để tiến hành kiểm tra hạng mục an toàn vệ sinh .

Điều 46: Trường hợp kiểm dịch đạt tiêu chuẩn, cơ quan kiểm dịch đưa ra các loại giấy chứng nhận liên quan như: “Giấy thông quan hàng hóa xuất cảnh” hoặc “Giấy chứng nhận thay đổi hàng hóa xuất cảnh”, giấy chứng nhận đã kiểm dịch. Trường hợp kiểm dịch không đạt yêu cầu, nếu có biện pháp xử lý hiệu quả và kiểm dịch lần nữa thấy đạt tiêu chuẩn có thể căn cứ vào quy định để xuất giấy chứng nhận liên quan, cho phép xuất cảnh; nếu không có biện pháp xử lý hiệu quả hoặc đã kiểm dịch lần nữa nhưng không đạt yêu cầu thì không cho phép xuất cảnh, và ban hành “giấy thông báo hàng không đạt yêu cầu xuất cảnh”.

Điều 47: Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu dựa vào việc kiểm tra theo quy định liên quan của kiểm tra giấy chứng nhận thay hàng hoá xuất cảnh, trọng điểm là kiểm tra vận đơn có khớp không. Trường hợp kiểm tra đạt yêu cầu, căn cứ vào “giấy chứng nhận đổi hàng xuất cảnh” do cơ quan kiểm dịch địa phương xuất hoặc giấy chuyển phát bằng điện tử để đồng ý xuất “Giấy thông quan hàng hóa xuất cảnh”. Trường hợp kiểm tra không đạt yêu cầu thì không đồng ý cho thông quan hàng hóa.

Điều 48: Cơ quan kiểm dịch địa phương và cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phải kịp thời trao đổi thông tin cho nhau.

Trong quá trình kiểm dịch nếu phát hiện vấn đề về an toàn vệ sinh, phải lựa chọn giải pháp thích hợp, và kịp thời cấp báo lên Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng quốc gia.

Phần ba: Việc quản lý giám sát

Điều 49: Doanh nghiệp gia chế biến, sản xuất TACN được phép xuất khẩu phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

49.1. Có hệ thống kiểm tra xét nghiệm hiệu quả;

49.2. Căn cứ vào tiêu chuẩn mà khu vực hoặc nước nhập khẩu đưa ra hoặc yêu cầu của hợp đồng để tiến hành sản xuất mặt hàng xuất khẩu.

49.3. Tuân thủ quy định về quản lý chất phụ gia và thuốc bảo vệ thực vật của Trung Quốc, không được tàng trữ hay sử dụng các chất phụ gia và thuốc bảo vệ thực vật bị Trung Quốc và các nước nhập khẩu cấm sử dụng;

49.4. Bao bì, dụng cụ chuyên chở TACN xuất khẩu phải đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh. Nhãn mác phải phù hợp với yêu cầu của nước nhập khẩu. Trên bao bì hay nhãn mác phải ghi rõ tên doanh nghiệp sản xuất, mã số đăng ký, công dụng của sản phẩm;

49.5. Phải lưu hồ sơ liên quan đến mặt hàng xuất khẩu trong thời gian ít nhất 2 năm như: tên thành phần, số lượng (trọng lượng), nhà cung cấp, nghiệm thu nguyên liệu, ngày nhập kho, xuất khẩu, kiểm tra sinh vật gây hại, việc trả lại sản phẩm v.v.

49.6. Ghi cụ thể trong “Sổ ghi chép kiểm tra giám sát TACN xuất khẩu” các nội dung: cơ quan kiểm dịch kiểm tra giám sát, lấy mẫu phẩm, kiểm tra, tình hình năm đó cũng như cơ quan kiểm dịch nước ngoài kiểm tra v.v.

Doanh nghiệp đăng ký cất giữ TACN phải lập hồ sơ ghi rõ tên TACN cất giữ, số/trọng lượng, chủ hàng, nhập kho, xuất kho, tình hình phòng chống sinh vật gây hại, hồ sơ này được lưu giữ ít nhất hai năm.

Điều 50: Cơ quan kiểm dịch kiểm nghiệm thực hiện kiểm tra giám sát hàng ngày đối với doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, bao gồm các nội dung sau:

50.1. Vệ sinh môi trường;

50.2. Biện pháp diệt trừ sinh vật có hại;

50.3. Tính hiệu lực của việc tự phòng chống chất độc hại;

50.4. Tình hình thay đổi nhà cung cấp nguyên liệu v.v...;

50.5. Kho bao bì và kho thành phẩm;

50.6. Vấn đề an toàn vệ sinh của thiết bị sản xuất, dụng cụ, công cụ chuyên chở;

50.7. Tình hình quản lý nhãn mác;

50.8. Các vấn đề khác liên quan đến an toàn vệ sinh;

50.9. Ghi đầy đủ trong “Sổ ghi chép việc quản lý giám sát TACN xuất khẩu”.

Điều 51: Cơ quan kiểm dịch thực hiện kiểm tra hàng năm đối với doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, nếu đạt tiêu chuẩn sẽ đóng dấu “kiểm tra đạt tiêu chuẩn”.

Điều 52: Cơ quan kiểm dịch thực hiện quản lý hồ sơ của doanh nghiệp xuất khẩu TACN (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp xuất khẩu). Doanh nghiệp xuất khẩu trước khi báo kiểm dịch đầu tiên hoặc trong thời gian báo cáo kiểm dịch phải đính kèm giấy phép kinh doanh (bản sao) vào hồ sơ của cục kiểm dịch địa phương.

Nếu doanh nghiệp vừa sản xuất vừa xuất khẩu thì không bắt buộc phải làm hồ sơ.

Điều 53: Doanh nghiệp xuất khẩu cần lập hồ sơ kinh doanh và tiếp nhận việc kiểm tra của cơ quan kiểm dịch. Trong hồ sơ ghi rõ các thông tin như: số hiệu kiểm tra TACN xuất khẩu, tên sản phẩm, số/trọng lượng, bao bì, tên nhà nhập khẩu và nhà cung ứng của

nước hoặc khu vực nhập khẩu, và “giấy thông quan hàng hóa xuất khẩu” v.v. hồ sơ này lưu giữ ít nhất 02 năm.

Điều 54: Cơ quan kiểm dịch phải tạo hồ sơ đăng ký xuất khẩu liên quan đến doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu và doanh nghiệp xuất khẩu, danh sách “đỏ” và “đen” về các doanh nghiệp.

Điều 55: TACN xuất khẩu được cơ quan kiểm dịch trong và ngoài nước kiểm tra các vấn đề về chất lượng an toàn vệ sinh về dịch bệnh, có độc hại vượt quá tiêu chuẩn cho phép không v.v. thực hiện biện pháp kiểm tra kiểm dịch thật chặt khi xảy ra các vấn đề trên.

Điều 56: Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu đã đăng ký và doanh nghiệp xuất khẩu phát hiện các sản phẩm kinh doanh hoặc sản xuất khác có khả năng bị ô nhiễm và ảnh hưởng đến sự an toàn của TACN hoặc khi các mặt hàng xuất khẩu bị nước ngoài nghi có liên quan đến sự an toàn của TACN, thì trong vòng 24 giờ phải báo cáo cơ quan kiểm dịch địa phương, đồng thời lựa chọn giải pháp không chế, cấm xuất khẩu sản phẩm không đạt yêu cầu. Cơ quan kiểm dịch sau khi nhận được báo cáo, trong vòng 24 giờ phải trình báo lên AQSIQ.

Điều 57: Trường hợp doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu đã đăng ký phát sinh một trong các tình huống sau đây, cục kiểm dịch cơ sở thu hồi giấy phép đăng ký cho xuất khẩu:

57.1. Tình hình khách quan căn cứ theo việc cho phép đăng ký cấp phép thay đổi nghiêm trọng, không chấp thuận các yêu cầu về đăng ký cấp phép;

57.2. Nội dung đăng ký cấp phép thay đổi, nhưng không làm thủ tục thay đổi;

57.3. Việc thẩm tra hàng năm không đạt yêu cầu.

Điều 58: Cục kiểm dịch cơ sở căn cứ vào thỉnh cầu của người có liên quan hoặc căn cứ vào quyền hạn của mình, có thể hủy bỏ giấy phép đăng ký xin xuất khẩu nếu có một trong các vấn đề sau đây:

58.1. Nhân viên cục kiểm dịch cơ sở lạm dụng chức quyền tự ý cấp phép giấy phép đăng ký xin xuất khẩu;

58.2. Vượt quá quyền hạn theo quy định của pháp luật về cấp phép;

58.3. Vi phạm thủ tục trình tự xin cấp phép;

58.4. Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu không đủ tư cách hoặc đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật;

58.5. Hủy bỏ việc đăng ký xin cấp phép xuất khẩu trong các trường hợp khác.

Hủy bỏ giấy phép đăng ký xuất khẩu đối với doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu sử dụng những thủ đoạn không chính đáng như: hối lộ, lừa đảo để được cấp phép.

Điều 59: Có một trong các tình huống sau, cục kiểm dịch địa phương hủy bỏ thủ tục làm đăng ký cấp phép giấy phép đăng ký xuất khẩu:

- 59.1. Hết thời hạn hiệu lực đăng ký gia hạn;
- 59.2. Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu hết hạn theo quy định của pháp luật;
- 59.3. Doanh nghiệp do các nguyên nhân như: đóng cửa, chuyển sang sản xuất mặt hàng khác, phá sản v.v. không tiếp tục xuất khẩu TACN nữa;
- 59.4. Việc đăng ký được thu hồi, hủy bỏ theo quy định của pháp luật;
- 59.5. Do trường hợp bất khả kháng nên không thể thực hiện việc cấp phép;
- 59.6. Những tình huống khác phải hủy bỏ việc đăng ký theo quy định của luật pháp.

Chương V: Kiểm dịch kiểm nghiệm quá cảnh

Điều 60: Trong trường hợp vận chuyển TACN quá cảnh, người vận chuyển phải trình hóa đơn vận chuyển hàng hóa và chứng nhận của khu vực hoặc nước xuất khẩu cho cục kiểm dịch cửa khẩu kiểm tra, và nộp văn bản qua biên giới tuyến đường vận chuyển.

Điều 61: Phương tiện, bao bì, dụng cụ đựng TACN vận chuyển quá cảnh phải nguyên vẹn, nếu cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phát hiện phương tiện vận chuyển, bao bì đựng TACN trên đường đi bị rò rỉ, người vận chuyển phải bịt kín theo nhu cầu của cơ quan kiểm dịch cửa khẩu; nếu không bịt kín sẽ không được quá cảnh.

Điều 62: Khu vực hoặc quốc gia xuất khẩu chưa bị liệt vào danh sách khu vực hoặc nước cho phép nhập khẩu theo quy định tại điều 7 phải nhận được phê chuẩn có thể quá cảnh từ Tổng cục kiểm nghiệm kiểm dịch chất lượng quốc gia.

Điều 63: TACN quá cảnh, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu nhập cảnh kiểm tra giấy tờ, phù hợp với vận đơn, đóng dấu cho phép nhập cảnh, và thông báo cho cơ quan kiểm dịch cửa khẩu xuất cảnh để họ kiểm tra giám sát việc xuất cảnh.

Chương VI: Trách nhiệm luật pháp

Điều 64: Cơ quan kiểm dịch căn cứ vào “Quy định đặc biệt về tăng cường quản lý giám sát an toàn sản phẩm như lương thực của Quốc Vụ Viện” sẽ xử phạt nếu có một trong các tình huống sau đây:

- 64.1. Lưu trữ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, chất phụ gia, nguyên liệu khác mà Trung Quốc, nước hoặc khu vực nhập khẩu cấm sử dụng;
- 64.2. Sử dụng giấy đăng ký xuất khẩu giả mạo để xuất khẩu mặt hàng.
- 64.3. Biết rõ nguy cơ về an ninh đang âm ỉ, che giấu không báo cáo, từ chối nghĩa vụ báo cáo sự cố, tiếp tục thực hiện việc xuất nhập khẩu;
- 64.4. Từ chối thực hiện nghĩa vụ thu hồi sản phẩm.

Điều 65: Nếu vi phạm một trong các tình huống sau, căn cứ vào “Điều lệ thực hiện kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” sẽ bị xử phạt từ 3000 NDT đến 30.000 NDT:

65.1. Chưa được cơ quan kiểm dịch phê chuẩn, tự tiện nhập khẩu, vận chuyển thức ăn chăn nuôi qua biên giới;

65.2. Tự tiện mở bao bì TACN quá cảnh, hoặc bóc dấu niêm phong, nhãn mác.

Điều 66: Vi phạm một trong các lỗi sau sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật; Trường hợp chưa cấu thành tội phạm hoặc phạm tội với tình tiết giảm nhẹ không bắt buộc xử phạt, cơ quan kiểm dịch căn cứ vào “Điều lệ thực hiện luật kiểm dịch động thực vật nhập cảnh của nước CHND Trung Hoa” xử phạt từ 20.000 – 50.000 NDT:

66.1. Gây ra dịch bệnh nghiêm trọng cho động thực vật;

66.2. Làm giả giấy chứng nhận kiểm dịch động thực vật, con dấu, nhãn mác, niêm phong.

Điều 67: Vi phạm một trong các lỗi sau, trường hợp có thu nhập bất hợp pháp, cơ quan kiểm dịch có thể xử phạt tài chính gấp 3 lần thu nhập bất hợp pháp, cao nhất không vượt quá 30.000 NDT. Trường hợp không có thu nhập bất hợp pháp, phạt dưới 10.000 NDT:

67.1. Sử dụng giấy chứng nhận kiểm dịch động thực vật, con dấu, nhãn mác, niêm phong giả hoặc chỉnh sửa;

67.2. Sử dụng tài liệu chứng minh kiểm dịch giả mạo, chỉnh sửa của cơ quan chủ quản nước hoặc khu vực xuất khẩu;

67.3. Sử dụng tài liệu chứng minh liên quan giả mạo khác;

67.4. Cự tuyệt không để cho cơ quan kiểm dịch kiểm tra giám sát.

Điều 68: Nhân viên cơ quan kiểm dịch lạm dụng chức quyền, cố tình gây khó dễ, vì tình riêng mà làm rối kỹ cương, giả mạo kết quả kiểm nghiệm, hoặc coi thường nội quy làm việc, trì hoãn việc cấp giấy chứng nhận kiểm nghiệm, sẽ bị xử phạt hành chính; trường hợp cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Chương VII: Phụ lục

Điều 69: Hàm ý của một số từ ngữ được dùng trong “Biện pháp” này như sau:

Thức ăn chăn nuôi: chỉ sản phẩm làm thức ăn cho động vật được chế biến từ thực vật, dưỡng chất và các nguyên liệu phụ gia khác. TACN được làm từ sản phẩm động vật, thủy sản tươi sống hay đông lạnh, đạm và mỡ động vật v.v. trộn lẫn với bột rau xanh và chất phụ gia.

Chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi: Trong quá trình sử dụng, chế biến TACN thêm một lượng nhỏ hoặc vi lượng vật chất, bao gồm chất phụ gia chứa dinh dưỡng v.v.

Chế biến đạm và dầu mỡ động vật: bao gồm bột thịt (gia cầm), bột xương (gia cầm), bột cá, dầu cá, bột tôm, bột gan cá, bột cá mực, bột ngao, bột sò, máu khô, bột của các tế bào máu, bột chân động vật, bột da, bột sừng, vỏ trứng v.v.

Chứng minh xuất cảng đạt tiêu chuẩn: nghĩa là TACN xuất khẩu hoặc doanh nghiệp chế biến, sản xuất chất phụ gia được cấp phép xuất khẩu, chứng minh giấy tờ đánh giá hệ thống tự kiểm dịch đạt tiêu chuẩn của doanh nghiệp về sản phẩm khác.

Điều 70: Biện pháp này do Tổng cục kiểm định chất lượng quốc gia chịu trách nhiệm giải thích.

Điều 71: Biện pháp này có hiệu lực kể từ ngày 1/9/2009. Kể từ ngày có hiệu lực, quy định quản lý kiểm dịch kiểm nghiệm liên quan đến TACN xuất nhập khẩu lấy biện pháp này làm chuẩn.

THƯ MỜI HỢP TÁC

Nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ nông nghiệp nông thôn Việt Nam (DNVVN NNNT), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dành nhiều quan tâm cho nghiên cứu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp và địa bàn nông thôn. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn là một trong các cơ quan đang tích cực thực hiện hoạt động đó, thông qua các hoạt động nghiên cứu, và truyền thông thông tin để hỗ trợ phát triển DNVVN NNNT.

Trung tâm Thông tin-Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (AGROINFO/IPSARD) đang đi tiên phong trong lĩnh vực truyền thông thông tin chính sách và chiến lược phát triển NNNT. Tích cực hợp tác kết nối với các cơ quan nghiên cứu và cơ quan truyền thông, AGROINFO không ngừng phát triển và khẳng định uy tín trong các hoạt động Đối thoại Chính sách bao gồm:

- ✚ Công thông tin phát triển doanh nghiệp www.agro.gov.vn
- ✚ Tổ chức tọa đàm trao đổi với các chuyên gia tư vấn về chiến lược hàng đầu trong nước và quốc tế
- ✚ Truyền thông kết quả nghiên cứu và đối thoại chính sách
 - Báo cáo tham khảo chính sách NNNT IPSARD www.ipsard.gov.vn
 - Bản tin Đối thoại chính sách NNNT IPSARD doithoachinhhsach@agro.gov.vn
 - Chuyên trang Đối thoại Chính sách, Báo Nông thôn Ngày nay, phát hành 80.000 bản/1 số, ra hàng ngày
 - Chương trình tọa đàm, diễn đàn chính sách với doanh nghiệp trên truyền hình, truyền thanh: VTV1, InfoTV, InvestTV, VIT TV, VOV
 - Bài viết phân tích và xã luận được đăng tải trên các tờ báo, tạp chí khoa học hàng đầu trong nước
- ✚ Tư vấn thông tin chính sách và thị trường nông sản Việt Nam và nước ngoài
- ✚ Tổ chức sự kiện, kết nối truyền thông và nghiên cứu theo yêu cầu

.Chương trình đối thoại chính sách hướng đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động truyền thông và đối thoại chính sách giữa nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và các chuyên gia giỏi. Với sự hỗ trợ của Cơ quan hợp tác quốc tế Tây Ban Nha (AECI), chương trình Đối thoại chính sách được thực hiện bởi đội ngũ truyền thông thông tin chuyên nghiệp, năng động.

Trung tâm Thông tin AGROINFO kính mong nhận được sự quan tâm và hợp tác từ các cơ quan, cá nhân có quan tâm trên cả nước.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm và theo dõi của Quý vị!

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:
Trung tâm Thông tin Phát triển Nông
nghiệp Nông thôn
Số 6 Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà
Nội
Email: info@agro.gov.vn
ĐT: (04) 38219859
Người liên hệ: Võ Thị Nga



BẢN TIN CHÍNH SÁCH VIỆT NAM-TRUNG QUỐC